# BÁO CÁO TỔNG HỢP

# HỘI NGHỊ PHÁT TRIỂN KINH TẾ CÁC KHU VỰC BIÊN GIỚI

--------------------

# I. HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ CÁC KHU VỰC BIÊN GIỚI

Việt Nam có đường biên giới trên đất liền dài khoảng 4924 km tiếp giáp với Trung Quốc, Lào, Campuchia đi qua 25 tỉnh biên giới của Việt Nam (435 xã, phường, thị trấn biên giới thuộc 103 huyện, thị xã, thành phố biên giới của Việt Nam), 2 tỉnh/khu tự trị của Trung Quốc, 10 tỉnh của Lào và 10 tỉnh của Campuchia. Tuyến biên giới với các nước Trung Quốc, Lào, Campuchia được đánh giá là cửa ngõ quan trọng trong giao lưu phát triển kinh tế - xã hội giữa các địa phương biên giới của Việt Nam với các địa phương biên giới của nước láng giềng; giữa Việt Nam với các nước có chung đường biên giới và các nước trong khu vực.

Năm 2020, dịch Covid-19 diễn biến phức tạp làm tăng trưởng ở hầu hết các ngành, lĩnh vực của Việt Nam và các tỉnh biên giới chậm lại. Tình hình đứt gãy chuỗi cung ứng và sản xuất trên thế giới cũng ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động sản xuất, xuất nhập khẩu của Việt Nam. Hạn hán, xâm nhập mặn, mưa, lũ ảnh hưởng đến năng suất, sản lượng cây trồng và đời sống nhân dân. 6 tháng đầu năm 2021, kinh tế thế giới có dấu hiệu phục hồi sau khi nhiều nước thành công trong triển khai tiêm chủng vắc-xin phòng Covid-19, khống chế dịch. Tuy nhiên, nguy cơ dịch Covid-19 tái bùng phát do các biến chủng mới xuất hiện vẫn hiện hữu và tiếp tục đe dọa người dân các nước, đặc biệt là khu vực châu Á.

Trong bối cảnh đầy khó khăn, các tỉnh biên giới, đặc biệt là các khu vực biên giới đã chủ động, tích cực khắc phục, vừa đảm bảo an ninh, quốc phòng tại khu vực biên giới, phòng chống dịch Covid-19 hiệu quả, bảo vệ sức khỏe nhân dân, vừa duy trì phát triển kinh tế-xã hội.

## 1. Mặt được

### 1.1. An ninh, quốc phòng khu vực biên giới được đảm bảo, chủ quyền biên giới quốc gia được giữ vững, tạo nền móng vững chắc cho kinh tế phát triển

An ninh, quốc phòng trên cả 3 tuyến biên giới với Lào, Campuchia và Trung Quốc đều được đảm bảo, củng cố. Tình hình trật tự tại khu vực biên giới cơ bản ổn định, không xảy ra các vụ việc đột xuất, bất ngờ, phức tạp.

Trên các tuyến biên giới, các lực lượng chức năng đã tổ chức quản lý, bảo vệ biên giới, kết hợp chặt chẽ giữa nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, đối ngoại với phát triển kinh tế - xã hội. Bộ đội biên phòng các tỉnh duy trì thường xuyên các lực lượng tuần tra, kiểm soát chặt chẽ đường biên, mốc giới, nhất là các đường mòn, lối mở trên biên giới; phối hợp chặt chẽ với các lực lượng bảo vệ biên giới nước láng giềng giải quyết kịp thời, có hiệu quả các các sự kiện xảy ra trên biên giới, xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, cùng phát triển.

Đặc biệt, trong bối cảnh dịch Covid-19 diễn biến phức tạp tại một số nước láng giềng, các lực lượng tại khu vực biên giới đã nỗ lực tuần tra, kiểm soát, ngăn chặn các vụ việc vượt biên trái phép, đưa người nhập cảnh trái phép đi cách ly, góp phần không nhỏ trong việc phòng chống dịch Covid-19 lây lan trong cộng đồng. Trong đó, tình trạng người nhập cảnh trái phép trên tuyến biên giới với Trung Quốc là mạnh mẽ và phức tạp nhất với hơn 24.040 người bị phát hiện; tuyến biên giới với Campuchia đứng thứ hai với 4.501 người; tuyến biên giới với Lào 1.352 người. Tất cả số người nhập cảnh trái phép được phát hiện và bàn giao cho địa phương cách ly, xử lý theo quy định.

### 1.2. Cơ bản duy trì tăng trưởng kinh tế tại các tỉnh biên giới và khu vực biên giới

- Về tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP), trong năm 2020, giữa bối cảnh nền kinh tế phải đối mặt với nhiều thách thức do dịch bệnh Covid-19 gây ra, 24/25 tỉnh biên giới vẫn đạt mức tăng trưởng dương (trừ Quảng Nam tăng trưởng -7%).

15 tỉnh có mức tăng trưởng GRDP cao hơn mức tăng bình quân của cả nước (2,91%), trong đó có 4 tỉnh có biên giới giáp với Trung Quốc, 4 tỉnh có biên giới giáp với Lào, 7 tỉnh có biên giới giáp với Campuchia. 9 tỉnh tăng trưởng dưới mức bình quân cả nước, bao gồm Điện Biên, Hà Giang, Lạng Sơn, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Huế, Gia Lai, Kiên Giang, An Giang.

* Trong 6 tháng đầu năm 2021, tất cả các địa phương biên giới tăng trưởng dương, hầu hết các địa phương tăng vượt mức bình quân của cả nước.

+ 20 tỉnh có mức tăng trưởng GRDP cao hơn mức tăng bình quân của cả nước (5,64%), trong đó có 4 tỉnh có biên giới giáp với Trung Quốc, 9 tỉnh có biên giới giáp với Lào, 7 tỉnh có biên giới giáp với Campuchia. 5 tỉnh tăng trưởng dưới mức bình quân cả nước, bao gồm Cao Bằng, Hà Giang, Điện Biên, Đồng Tháp, Kiên Giang.

*(Chi tiết về mức tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn của các tỉnh biên giới được nêu tại Phụ lục 1 và 2).*

### 1.3. Sản xuất công nghiệp tại các tỉnh biên giới và các khu vực biên giới tiếp tục phục hồi và phát triển

- Nhờ việc kiểm soát tốt dịch bệnh trong năm 2020 và những tháng đầu năm 2021, nhiều địa phương khu vực biên giới có điều kiện để phục hồi và tiếp tục phát triển sản xuất công nghiệp.

- Năm 2020, có 17/25 tỉnh có chỉ số phát triển sản xuất công nghiệp (IIP) tăng trưởng cao hơn mức tăng chung của cả nước (cả nước tăng 3,4%).

- Tính chung 6 tháng đầu năm 2021, 13/25 tỉnh khu vực biên giới có chỉ số phát triển sản xuất công nghiệp (IIP) tăng trưởng cao hơn mức tăng chung của cả nước (9,3%). Những tỉnh còn lại đều có tốc độ tăng trưởng dương nhưng thấp hơn mức tăng bình quân của cả nước.

**1.4. Sản xuất nông nghiệp ở khu vực biên giới được duy trì, đóng góp thực hiện an sinh, an dân trong đại dịch**

Sản xuất nông nghiệp tại khu vực biên giới đã đóng góp cùng với ngành nông nghiệp thể hiện vai trò ‘‘bệ đỡ’’ của nền kinh tế trong lúc khó khăn, bảo đảm nguồn cung lương thực, thực phẩm, hàng hóa thiết yếu, là cơ sở quan trọng để thực hiện an sinh, an dân trong đại dịch. Chăn nuôi tuy gặp khó khăn do xảy ra dịch bệnh trên gia súc, gia cầm ở một số khu vực biên giới nhưng với việc triển khai cấp bách các biện pháp quyết liệt phòng chống dịch bệnh, nhìn chung, chăn nuôi vẫn phát triển. Lâm nghiệp tiếp tục có bước phát triển, an ninh rừng cơ bản được đảm bảo.

Hoạt động sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản tiếp tục phát triển. Tăng trưởng ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản 6 tháng đầu năm 2021 đạt mức khá (Thanh Hóa đạt 3,47%; Lào Cai 5,1%; Sơn La 5,6%; Nghệ An 4,6%; Quảng Bình 4,4%; An Giang 5,7%; Bình Phước 4,35%).

**1.5. Quan hệ qua biên giới được các tỉnh biên giới, chính quyền khu vực biên giới duy trì tốt, tạo điều kiện thuận lợi duy trì mô hình thông quan phòng dịch, đảm bảo thương mại qua biên giới không bị gián đoạn**

Trong thời gian qua, chính quyền các tỉnh biên giới luôn chủ động, tích cực duy trì và phát triển quan hệ hợp tác tốt đẹp với chính quyền các tỉnh biên giới phía Lào, Campuchia, Trung Quốc. Chính quyền các tỉnh biên giới duy trì cơ chế gặp gỡ, làm việc thường niên với các tỉnh láng giềng để trao đổi, đánh giá kết quả hợp tác cũng như giao lưu, tăng cường sự hiểu biết, gắn kết. Các cơ chế hợp tác định kỳ có thể kể đến như Hội đàm 4 tỉnh biên giới phía Bắc (Lạng Sơn, Quảng Ninh, Hà Giang, Cao Bằng) với Quảng Tây, Gặp gỡ thường niên giữa Chính quyền Thanh Hóa với Chính quyền Hủa-phăn, Chính quyền Nghệ An với

Xiêng-khoảng, Kontum với At-ta-pư, Tây Ninh với Pray Viêng, Tbaung Khmum, Svay Riêng, v.v…

Quan hệ tốt đẹp giữa các tỉnh biên giới đã góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động thương mại tại khu vực biên giới, nhất là trong bối cảnh dịch Covid-19 bùng phát.

Trong những năm qua, các tỉnh biên giới đã thực hiện tốt công tác quản lý cửa khẩu, kịp thời cùng nước bạn điều chỉnh, kéo dài thời gian thông quan ở cửa khẩu hoặc mở thêm lối thông quan để giải phóng hàng nông sản cho cả nước trong những thời điểm ùn tắc ở cửa khẩu

Ngay từ đầu năm 2020 khi dịch Covid-19 xuất hiện ở Trung Quốc và sau đó là Việt Nam, Campuchia, Lào, các địa phương biên giới đã phối hợp chặt chẽ với Bộ Công Thương và các Bộ, ngành liên quan để nhanh chóng hợp tác với các cơ quan từ trung ương đến địa phương biên giới các nước Trung Quốc, Lào, Campuchia nhằm sáng tạo, xây dựng và thống nhất triển khai mô hình thông quan phòng dịch tại các cửa khẩu biên giới đường bộ. Cùng với việc điều chỉnh linh hoạt mô hình thông quan qua các giai đoạn đến nay, việc lưu chuyển hàng hóa qua các cửa khẩu biên giới đường bộ trên tuyến biên giới phía Bắc, phía Tây và Tây Nam được đảm bảo thông suốt, không gián đoạn.

**1.6. Bước đầu hình thành một số hạ tầng phục vụ phát triển công nghiệp và thương mại tại khu vực biên giới**

- Đến nay, các tỉnh biên giới bước đầu đã hình thành một số hạ tầng quan trọng phục vụ mục tiêu phát triển công nghiệp và thương mại tại khu vực biên giới bao gồm các cụm công nghiệp và khu kinh tế cửa khẩu.

*- Về cụm công nghiệp:* 319 cụm công nghiệp đã được thành lập tại các tỉnh biên giới, phần lớn tại các huyện biên giới, với tổng diện tích là 10.835 ha; tương ứng chiếm 32,9% số lượng và 35% tổng diện tích các cụm công nghiệp đã được thành lập của cả nước. Trong đó, có 267 cụm công nghiệp đã đi vào hoạt động với tổng diện tích là 8.799 ha; tương ứng chiếm 36,6% số lượng và 39,4% diện tích các cụm công nghiệp đã đi vào hoạt động của cả nước. Như vậy, khu vực biên giới hiện chiếm tỷ lệ khá cao về số lượng và diện tích các cụm công nghiệp đã được thành lập và đi vào hoạt động so với cả nước.

*-Khu kinh tế cửa khẩu:* Cả nước hiện có 26 Khu kinh tế cửa khẩu, trong đó, giáp biên giới với Trung Quốc có 9 khu kinh tế cửa khẩu; giáp biên giới với Lào có 9 khu kinh tế cửa khẩu; giáp biên giới với Campuchia có 9 khu kinh tế cửa khẩu (Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y, tỉnh Kon Tum vừa giáp Lào, vừa giáp Campuchia).

**1.7. Sản xuất điện năng tăng trưởng, đóng góp đáng kể vào tổng sản lượng điện cả nước, góp phần củng cố an ninh năng lượng, đảm bảo sản xuất và nâng cao đời sống cho nhân dân**

Hiện nay, khu vực biên giới phía Bắc chủ yếu sản xuất thuỷ điện và nhiệt điện. Khu vực biên giới các tỉnh miền Trung sản xuất chủ yếu là thuỷ điện, một số ít nhiệt điện và điện tái tạo. Khu vực biên giới phía Nam chủ yếu sản xuất thuỷ điện.

Các nhà máy nhiệt điện và thuỷ điện tại khu vực biên giới phía Bắc sản xuất khoảng 96.630 triệu kWh, chiếm khoảng 37% tổng sản lượng điện quốc gia. Các nhà máy nhiệt điện, thuỷ điện và điện tái tạo khu vực biên giới miền Trung sản xuất khoảng 16.505 triệu kWh, chiếm khoảng 6,3% tổng sản lượng điện quốc gia. Các nhà máy thuỷ điện tại khu vực biên giới phía Nam sản xuất khoảng 1.658 triệu kWh, chỉ chiếm 0,6% tổng sản lượng điện quốc gia.

Như vậy, khu vực biên giới nói chung đóng góp đến 44% trong tổng sản lương điện toàn quốc, góp phần củng cố an ninh năng lượng, đảm bảo sản xuất và nâng cao đời sống cho nhân dân.

**2. Hạn chế**

Bên cạnh mặt được, tình hình phát triển kinh tế các khu vực biên giới của Việt Nam vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế.

**2.1. Về phát triển kinh tế:**

- Kinh tế-xã hội các vùng biên giới còn chậm phát triển, so với mặt bằng chung của tỉnh biên giới nói riêng và của cả nước nói chung.

- Cơ cấu kinh tế tại khu vực biên giới chậm chuyển dịch, vẫn dựa vào nông nghiệp là chính. Sản xuất công nghiệp tại khu vực biên giới còn hạn chế, chưa tạo ra sản phẩm chủ lực, năng lực cạnh tranh yếu. Đa số người dân khu vực biên giới chưa có mô hình sản xuất kinh tế, việc làm ổn định.

- Sản xuất nông sản ở các khu vực biên giới còn manh mún, chưa hình thành vùng sản xuất tập trung, chưa áp dụng tiêu chuẩn, truy xuất nguồn gốc, xây dựng thương hiệu.

**2.2. Thương mại biên giới quy mô nhỏ, mất cân đối**

- Kim ngạch xuất nhập khẩu qua các cửa khẩu biên giới tuy tăng trưởng trong giai đoạn vừa qua nhưng còn tồn tại nhiều bất cập. Kim ngạch xuất nhập khẩu qua biên giới chiếm tỉ trọng khiêm tốn trong tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của cả nước và tập trung thực hiện qua một số cửa khẩu biên giới. Xuất khẩu nông sản sang Trung Quốc tiếp tục sử dụng đường “tiểu ngạch”, dẫn đến tình trạng ùn ứ tại các cửa khẩu, ảnh hưởng đến chất lượng và giá cả.

+ Kim ngạch xuất nhập khẩu qua biên giới năm 2020 đạt 30 tỷ USD, chiếm tỉ trọng khiêm tốn (5,5%) trong tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của cả nước nói chung và trong tổng kim ngạch xuất khẩu với Trung Quốc, Lào, Campuchia nói riêng (21,5%).

+ Cửa khẩu Hữu Nghị (Lạng Sơn) và cửa khẩu Móng Cái (Quảng Ninh) lần lượt chiếm 65% và 11% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu qua biên giới của cả nước. Kim ngạch xuất nhập khẩu với Campuchia tập trung thực hiện thông qua các cửa khẩu biên giới của tỉnh Tây Ninh (khoảng 1,6 tỷ USD/năm). Kim ngạch xuất nhập khẩu với Lào tập trung thực hiện thông qua cửa khẩu biên giới của Kon Tum, Quảng Bình, Quảng Trị (mỗi tỉnh khoảng gần 200 triệu USD/năm). Kim ngạch thực hiện qua các cửa khẩu biên giới khác rất thấp.

**2.3.** **Độ che phủ điện khu vực biên giới thấp:** Tỷ lệ các thôn tại khu vực biên giới chưa có lưới điện quốc gia còn khá cao so với mức bình quân chung của cả nước. Đến nay, vẫn còn 10,52% số thôn tại khu vực biên giới chưa có lưới điện quốc gia (tập trung ở Sơn La, Lai Châu, Điện Biên, Cao Bằng, Hà Giang, Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Bình, Quảng Nam). Số hộ dân chưa được cấp điện: 492.026 hộ, số thôn/bản biên giới chưa có điện hoặc có điện không đạt tiêu chí: 8.130 thôn/bản.

**2.4. Nguồn vốn đầu tư hạ tầng hạn chế**: 23/25 tỉnh vẫn phải phụ thuộc vào ngân sách trung ương. Mới chỉ có 2 tỉnh tự chủ ngân sách (Quảng Ninh, Quảng Nam). Do đó, nguồn vốn đầu tư phát triển cho các hạ tầng quan trọng ở khu vực biên giới còn rất hạn chế. Hạ tầng giao thông, hạ tầng ở khu kinh tế cửa khẩu, cụm công nghiệp, hạ tầng thương mại biên giới vẫn chưa đồng bộ, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội khu vực cửa khẩu nói riêng và xu thế hội nhập kinh tế quốc tế nói chung.

**2.5**. **Hạ tầng thương mại biên giới thiếu và yếu**: Thu hút đầu tư phát triển hạ tầng thương mại biên giới rất khó khăn. Hạ tầng thương mại biên giới chưa đáp ứng được tiềm năng và nhu cầu của hoạt động mua bán, trao đổi, lưu thông hàng hóa tại khu vực biên giới với Lào, Campuchia và Trung Quốc. Loại hình hạ tầng đã hình thành chủ yếu là chợ biên giới, kho hàng hóa, được tập trung ở những khu vực biên giới có cửa khẩu quốc tế hoặc cửa khẩu chính. Còn rất thiếu các loại hình hạ tầng thương mại biên giới khác như siêu thị, trung tâm thương mại, trung tâm logistics, kho ngoại quan, cửa hàng giới thiệu mua bán hàng hóa, hệ thống viễn thông – thông tin liên lạc v.v....

+ Trong các loại hình hạ tầng thương mại biên giới đã hình thành, phổ biến nhất hiện nay là chợ biên giới (270 chợ) và kho hàng (159 kho hàng). Phần lớn chợ biên giới, kho hàng nằm trên tuyến biên giới với Trung Quốc và Campuchia (lần lượt chiếm 42% và 44% tổng số chợ biên giới, 44% và 53% số kho hàng). Tuyến biên giới với Lào chỉ chiếm 14% số chợ biên giới, 3% số kho hàng.

+ Với loại hình trung tâm logistics, hiện nay mới chỉ hình thành 03 trung tâm logistics cấp tỉnh ở Lào Cai (tuyến biên giới với Trung Quốc).

**2.6.**  **Buôn lậu, gian lận thương mại còn diễn ra phức tạp**: Tình trạng buôn lậu, gian lận thương mại diễn ra tập trung trên tuyến biên giới phía Bắc (Lào Cai, Lạng Sơn, Cao Bằng, Quảng Ninh), tuyến biên giới phía Tây (Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị), tuyến biên giới Tây Nam (An Giang, Kiên Giang, Long An, Tây Ninh, Bình Phước.

**3. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế**

**3.1. Nguyên nhân khách quan**

**a.** **Thiếu vốn cho đầu tư phát triển khu vực biên giới**

- Nguồn lực đầu tư phát triển từ ngân sách chưa đáp ứng nhu cầu phát triển, còn dàn trải, chưa trọng tâm, trọng điểm. Tất cả các tỉnh biên giới đều gặp phải tình trạng thiếu vốn cho việc triển khai, thực hiện các đề án, quy hoạch phát triển kinh tế tại khu vực biên giới. Khó khăn này càng nhân lên gấp bội trong bối cảnh dịch Covid-19. Trong gần hai năm qua, các tỉnh biên giới đã phải dành một khoản chi ngân sách lớn để phục vụ công tác phòng chống dịch. Việc này càng làm cho vấn đề thiếu vốn đầu tư phát triển khu vực biên giới trầm trọng hơn.

- Bên cạnh đó, tình hình Covid-19 phức tạp đã khiến nhiều doanh nghiệp gặp khó khăn, phải ngừng hoạt động hoặc giải thể, từ đó khiến thu ngân sách của các tỉnh nhìn chung bị giảm. Năm 2020, Lạng Sơn có 187 doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động; Nghệ An có 628 doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động; Quảng Ninh có hơn 1000 doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động, 480 doanh nghiệp giải thể; Kiên Giang có 705 doanh nghiệp giải thể, ngừng kinh doanh…

- Cũng do không thu xếp đủ nguồn vốn nên Chương trình phát triển điện nông thôn, miền núi hải đảo giai đoạn 2016-2020 chưa hoàn thành được các mục tiêu đề ra. Việc triển khai các dự án điện lưới quốc gia đến các thôn, bản của hầu hết các tỉnh biên giới chậm được thực hiện dẫn đến nhiều thôn, bản chưa có điện lưới quốc gia.

- Các khu kinh tế cửa khẩu thường chỉ dựa vào ngân sách trung ương để đầu tư cơ sở hạ tầng. Do nguồn ngân sách trung ương hạn chế nên cơ sở hạ tầng tại các kinh tế cửa khẩu chưa được đầu tư đồng bộ, hiện đại và chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển. Trong khi đó, với vị trí địa lý không thuận lợi của mình, các khu kinh tế cửa khẩu hầu như không có khả năng thu hút các nguồn vốn khác (ODA, FDI, PPP) tham gia đầu tư cơ sở hạ tầng.

**b. Hệ thống hạ tầng giao thông kết nối khu vực biên giới còn bất cập**

- Kết cấu hạ tầng giao thông còn bất cập, thiếu hệ thống đường cao tốc liên vùng kết nối tỉnh biên giới với trung tâm các vùng (như giữa Tây Ninh, Long An và Hồ Chí Minh, Điện Biên-Sơn La-Hòa Bình để kết nối với Hà Nội, Hà Giang kết nối với cao tốc Lào Cai-Hà Nội v.v…); đường giao thông nối cửa khẩu biên giới với nội tỉnh vừa thiếu, vừa xuống cấp, đặc biệt ở các tỉnh như Hà Giang, Điện Biên, Sơn La, Đắk Lăk, Đăk Nông, Quảng Bình, Quảng Nam, Kon Tum.

- Khu vực biên giới hầu hết đều nằm ở địa bàn núi cao, hiểm trở, giao thông đi lại khó khăn. Đường giao thông vận tải nhiều nơi chật hẹp, xuống cấp, chưa đáp ứng yêu cầu vận chuyển hàng hóa nhưng lại chưa được sửa chữa, khắc phục hoặc mở rộng kịp thời, thi công kéo dài; vào mùa mưa thường xuyên trơn trượt, gây tai nạn đổ xe vận tải hàng hóa, ùn tắc giao thông làm cản trở hoạt động thương mại biên giới (đặc biệt đối với khu vực biên giới phía Bắc và khu vực biên giới giáp với Lào).

**c. Tâm lý e ngại đầu tư dẫn đến thiếu doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp lớn đầu tư ở khu vực biên giới**

Ngoại trừ hai tỉnh biên giới của Trung Quốc (Quảng Tây, Vân Nam), các tỉnh của Lào, Campuchia giáp biên giới với Việt Nam đều là các tỉnh nghèo, dân số ít (mỗi tỉnh dân số chỉ từ vài trăm ngàn đến 1 triệu dân), sức mua hạn chế. Các tỉnh biên giới của Lào, Campuchia như Hủa-phăn, Xiêng-khoảng, Bô-ly-khăm-xay, Sê-Công, Sa-vẳn-na-khẹt, A-ta-pư, Ratanakiri, Kandal, v.v…phần lớn đều nằm ở khu vực miền núi, địa hình hiểm trở, giao thông đi lại khó khăn. Hệ thống đường bộ nối các cửa khẩu biên giới đến trung tâm tỉnh biên giới của Lào, Campuchia đều xuống cấp.

Bên cạnh đó, khu vực biên giới phía Việt Nam thường là địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn, vị trí địa lý không thuận lợi, kết cấu hạ tầng giao thông hạn chế, đi lại khó khăn.

Chính vì vậy, các doanh nghiệp trong và ngoài nước hầu hết đều có tâm lý e ngại đầu tư tại khu vực biên giới. Trong thời gian qua, thực tế cho thấy kết quả thu hút đầu tư từ doanh nghiệp trong nước hay đầu tư nước ngoài, nhất là các doanh nghiệp công nghiệp lớn, vào khu vực biên giới đều rất hạn chế. Doanh nghiệp đầu tư, sản xuất tại khu vực biên giới hầu hết là doanh nghiệp tại chỗ, quy mô vừa và nhỏ, tiềm lực hạn chế, chủ yếu chế biến nông lâm sản, thiết bị công nghệ lạc hậu, chưa tạo được nhiều việc làm và sự lan tỏa trong phát triển kinh tế khu vực biên giới.

***d. Hạn chế về năng lực thị trường xuất khẩu, xúc tiến thương mại***

Năng lực thị trường và năng lực xúc tiến thương mại là điểm yếu của nông dân, doanh nghiệp tại khu vực biên giới. Các điểm yếu này đã hạn chế khả năng tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu, nhất là xuất khẩu nông lâm thủy sản của các khu vực biên giới.

Các điểm yếu nói trên được thể hiện rõ nhất trong thương mại biên giới với thị trường Trung Quốc. Từ năm 2018, Trung Quốc đã siết chặt thực thi các chính sách thương mại biên giới theo hướng ngày càng đi vào chính quy, nền nếp trên cơ sở các quy định, chính sách đã ban hành trước đây; tăng cường công tác thực thi pháp luật, thực hiện nghiêm các quy định đối với hoạt động nhập khẩu nông thủy sản trên tuyến biên giới đất liền, thông qua các biện pháp như tăng cường giám sát, truy xuất nguồn gốc, quy cách đóng gói, vệ sinh an toàn thực phẩm.

Mặc dù Bộ Công Thương đã liên tục đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền về thay đổi trong chính sách và thực thi chính sách của Trung Quốc từ đầu năm 2018 đến nay, một số cơ quan, địa phương và các doanh nghiệp vẫn chưa chủ động nắm bắt thông tin, chưa nhận thức đầy đủ, thậm chí vẫn duy trì cách thức “sản xuất, làm ăn manh mún”, tiếp tục sử dụng phương thức xuất khẩu “tiểu ngạch”, dẫn đến ùn ứ nông sản tại các cửa khẩu khi Trung Quốc siết chặt đường ‘‘tiểu ngạch’’, ảnh hưởng đến chất lượng và giá cả nông sản.

**3.2. Nguyên nhân chủ quan**

***a. Về quy hoạch***

- Trong thời gian qua, công tác quy hoạch đầu tư phát triển tại các tỉnh biên giới nói chung và khu vực biên giới nói riêng còn nhiều bất cập về chất lượng quy hoạch, thiếu tính dự báo, thiếu căn cứ kế hoạch. Mặt khác, công tác lập quy hoạch chưa gắn với việc xây dựng kế hoạch thực hiện, chưa xác định lộ trình, nguồn lực đầu tư phù hợp với từng giai đoạn của quy hoạch.

- Ngoài ra, do chưa thực sự gắn với thực tiễn phát triển của địa phương, với đặc điểm sản xuất, tiêu dùng và tập quán của dân cư các tỉnh biên giới nên hiệu quả kinh tế - xã hội của quy hoạch chưa cao, dẫn đến hạ tầng công nghiệp, thương mại của các tỉnh còn chậm phát triển.

- Theo Luật Quy hoạch, hiện nay tất cả các tỉnh biên giới đều đang gấp rút xây dựng quy hoạch tỉnh giai đoạn 2021-2030. Đây là quy hoạch tích hợp các quy hoạch ngành, lĩnh vực, phân vùng phát triển của địa phương biên giới. Khi chưa hoàn thành và phê duyệt quy hoạch tỉnh thì sẽ khó khăn trong bố trí vốn đầu tư, thu hút nguồn lực, không tạo được môi trường thuận lợi cho đầu tư phát triển.

- Công tác lãnh đạo chỉ đạo quy hoạch, thực hiện các dự án đầu tư phát triển kinh tế xã hội chưa quyết liệt. Tỉ lệ giải ngân vốn đầu tư công của các tỉnh chưa cao (năm 2020, nhiều tỉnh chỉ đạt 60-70% như Hà Giang, Đăk Nông, Quảng Nam).

***b. Về cơ chế, chính sách***

- Cơ chế chính sách phát triển khu kinh tế cửa khẩu còn nhiều bất cập, chưa có nhiều ưu đãi đột phá nên khó thu hút đầu tư trong và ngoài nước.

- Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về quản lý hạ tầng thương mại biên giới đến nay chưa đầy đủ, chưa có chính sách riêng để hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng thương mại biên giới; chưa xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích xã hội hóa, thu hút các nhà đầu tư tại khu vực biên giới.

***c. Về việc nâng cấp, mở mới các cửa khẩu***

***-*** Việc nâng cấp, mở mới các cửa khẩu, lối mở biên giới chưa được thực hiện kịp thời, chưa theo kịp với nhu cầu giao thương của khu vực biên giới với các nước láng giềng. Một số địa phương chưa nắm chắc và thực hiện đúng các quy định liên quan của Chính phủ liên quan đến quản lý cửa khẩu nên công tác xin phép, triển khai mở mới, nâng cấp cửa khẩu còn mất nhiều thời gian, nhiều khi chậm trễ.

# II. QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ KHU VỰC BIÊN GIỚI

## Bối cảnh 2021-2025

Trong những năm tới, tình hình thế giới và khu vực tiếp tục vận động theo xu thế hòa bình, hợp tác và phát triển nhưng vẫn tiềm ẩn nhiều diễn biến phức tạp. Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế ngày càng được mở rộng song gặp nhiều trở ngại, thách thức. Kinh tế thế giới bắt đầu phục hồi và quay trở lại quỹ đạo tăng trưởng. Cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn và chiến tranh thương mại Mỹ - Trung Quốc diễn ra gay gắt. Các đối tác phát triển như Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc tăng cường tận dụng các cơ chế hợp tác tiểu vùng Mê Công để hợp tác với các nước Việt Nam, Lào, Campuchia, Myanmar. ASEAN tiếp tục đẩy mạnh các sáng kiến kết nối và hội nhập khu vực trong đó đặc biệt là đẩy mạnh Kế hoạch tổng thể kết nối hạ tầng ASEAN.

Trong bối cảnh đó, Việt Nam nói chung và các khu vực biên giới của Việt Nam có cơ hội đón đầu luồng đầu tư dịch chuyển khỏi Trung Quốc. Thương mại biên giới giữa Việt Nam với Lào, Việt Nam với Campuchia và Việt Nam với Trung Quốc cũng có nhiều điều kiện tăng trưởng nhanh về quy mô, giá trị. Bên cạnh đó, ta còn có nhiều khả năng tận dụng hỗ trợ của các đối tác phát triển và ASEAN trong việc đầu tư các tuyến đường giao thông kết nối các cửa khẩu biên giới giữa Việt Nam và Lào, Việt Nam và Campuchia, phục vụ phát triển kinh tế khu vực biên giới.

Ở trong nước, sự bùng nổ của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và thời đại kinh tế số tiếp tục mang đến nhiều cơ hội cũng như khó khăn, thách thức cho sự phát triển, trong đó: Nguy cơ rơi vào bẫy thu nhập trung bình và tụt hậu xa hơn về kinh tế; tình hình Biển Đông, thiên tai, dịch bệnh tiềm ẩn nhiều yếu tố khó lường, đại dịch Covid-19 nguy cơ bùng phát vẫn ở mức cao; các thế lực thù địch tiếp tục lợi dụng các vấn đề về dân tộc, tôn giáo để chống phá... sẽ là những thách thức lớn tác động không nhỏ đến việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế của đất nước nói chung và của khu vực biên giới nói riêng.

## 2. Quan điểm, giải pháp

### 2.1. Tầm nhìn phát triển kinh tế khu vực biên giới

### - Thúc đẩy phát triển kinh tế các khu vực biên giới, đến năm 2030 thành các khu vực tương đối phát triển, kết cấu hạ tầng đồng bộ và hiện đại, đảm bảo kết nối thuận tiện giữa các cửa khẩu biên giới với trung tâm phát triển của tỉnh và các vùng, lãnh thổ, đảm bảo kết nối dễ dàng với các vùng, miền trong cả nước và quốc tế.

- Xây dựng các khu vực biên giới trở thành địa bàn quan trọng về hợp tác và giao lưu kinh tế quốc tế của vùng và cả nước.

- Tiếp tục khẳng định vai trò "phên dậu" vững chắc của Tổ quốc; củng cố tiềm lực quốc phòng, an ninh, kết hợp với phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới quốc gia, xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị.

**2.2. Quan điểm và giải pháp phát triển kinh tế khu vực biên giới**

***a. Quy hoạch tỉnh là căn cứ để bố trí, thu hút đầu tư phát triển***

Theo Luật Quy hoạch, không tồn tại Quy hoạch phát triển công nghiệp và thương mại, Quy hoạch phát triển hạ tầng công nghiệp và thương mại riêng mà tất cả đều tích hợp vào Quy hoạch tỉnh. Vì vậy, các tỉnh biên giới cần:

* Rà soát và đề xuất các nội dung về đầu tư phát triển khu vực biên giới, quy hoạch phát triển công nghiệp và thương mại, quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng công nghiệp và thương mại trên địa bàn để tích hợp và khẩn trương hoàn thành quy hoạch tỉnh 2021-2030, tầm nhìn đến 2050, làm cơ sở bố trí vốn đầu tư phát triển và định hướng phát triển lâu dài cho khu vực biên giới cũng như tất cả các ngành giao thông, công nghiệp, thương mại, điện năng, các khu vực trên địa bàn v.v...
* Nâng cao chất lượng công tác lập kế hoạch vốn đầu tư công; quán triệt đầy đủ, nghiêm túc, toàn diện các quan điểm chỉ đạo, chủ trương, yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

***b. Cơ chế, chính sách là đột phá trong thu hút nguồn lực đầu tư phát triển khu vực biên giới***

- Các tỉnh chủ động nghiên cứu đề xuất Chính phủ ban hành các cơ chế, chính sách ưu đãi đột phá, đa dạng hóa hình thức đầu tư, hình thức quản lý để tạo nguồn vốn đầu tư hạ tầng hoặc thu hút đầu tư vào khu vực biên giới, thu hút đầu tư vào các khu kinh tế cửa khẩu. Ví dụ như cho phép được sử dụng số thu ngân sách từ thuế và phí từ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu qua các cửa khẩu biên giới gắn với khu kinh tế cửa khẩu để tái đầu tư cơ sở hạ tầng khu kinh tế cửa khẩu trong thời gian từ 5 đến 10 năm; đồng thời, có chính sách ưu đãi riêng về thu hút đầu tư vào khu kinh tế cửa khẩu, tạo thuận lợi hơn nữa cho các doanh nghiệp đầu tư và hoạt động thương mại trong khu kinh tế cửa khẩu.

- Rà soát, hoàn thiện, trình Chính phủ ban hành cơ chế, chính sách ưu đãi phát triển các loại hình hạ tầng thương mại biên giới, đặc biệt là hạ tầng thương mại hiện đại; ưu đãi về thu hút nguồn vốn đầu tư, xã hội hóa đầu tư phát triển hạ tầng thương mại biên giới; các loại phí, lệ phí; phương thức thanh toán; ưu đãi đối với các thương nhân tham gia hoạt động đầu tư, kinh doanh trong các loại hình hạ tầng thương mại biên giới.

***c. Kết cấu hạ tầng đi đến đâu, kinh tế phát triển đến đó***

Hệ thống kết cấu hạ tầng phát triển đồng bộ, hiện đại sẽ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nâng cao năng suất, hiệu quả của kinh tế khu vực biên giới. Ngược lại, hệ thống cơ sở hạ tầng kém phát triển là một trở lực lớn đối với sự phát triển. Trong việc đầu tư kết cấu hạ tầng cho khu vực biên giới, cần quan tâm đến đường giao thông, hạ tầng thương mại biên giới, hạ tầng điện – viễn thông liên lạc.

* *Về đường giao thông*: Cần ưu tiên bố trí vốn để sớm xây dựng các dự án đường bộ nối khu vực biên giới, cửa khẩu biên giới với trung tâm vùng, với các cảng biển; nâng cấp, mở rộng hệ thống đường giao thông nối các xã biên giới, cửa khẩu biên giới, các khu kinh tế cửa khẩu với nội tỉnh. Cụ thể:

Mở rộng hệ thống đường bộ kết nối tỉnh Long An với thành phố Hồ Chí Minh; xây dựng đường cao tốc Mộc Bài-thành phố Hồ Chí Minh; xây dựng đường cao tốc nối cửa khẩu Lệ Thanh (Gia Lai) với cảng Quy Nhơn (Bình Định); nâng cấp quốc lộ 8 nối cửa khẩu Cầu Treo (Hà Tĩnh) đi cảng Cửa Lò (Nghệ An) và cảng Vũng Áng (Hà Tĩnh); đầu tư xây dựng cao tốc Điện Biên-Sơn La-Hòa Bình nối với cao tốc Hòa Lạc-Hòa Bình; cao tốc kết nối Lai Châu, Hà Giang với cao tốc Nội Bài-Lào Cai; hoàn thành tuyến cao tốc Vân Đồn – Móng Cái; xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (Lạng Sơn) – Trà Lĩnh (Cao Bằng).

* *Về hạ tầng thương mại biên giới*: Ưu tiên đầu tư các loại hình hạ tầng thương mại biên giới hiện đại, đặc biệt là các trung tâm dịch vụ logistics (cung cấp dịch vụ lưu giữ, phân loại, xử lý, vận chuyển hàng hóa) gắn với các khu kinh tế cửa khẩu gồm:

Trung tâm logistics tại huyện Hoành Mô, Quảng Ninh; trên tuyến kinh tế cửa khẩu Kim Thành-Bản Vược, Lào Cai; tại khu kinh tế cửa khẩu Chalo, Quảng Bình; tại cửa khẩu quốc tế La Lay và khu kinh tế thương mại đặc biệt Lao Bảo, Quảng Trị; tại khu kinh tế cửa khẩu Nam Giang, Quảng Nam; tại Cửa khẩu quốc tế Bờ Y, Kon Tum; tại Khu kinh tế cửa khẩu Long An (cửa khẩu quốc tế Bình Hiệp) và Cửa khẩu quốc gia Mỹ Quý Tây, Long An.

* *Về hạ tầng điện – viễn thông liên lạc*:

+ Sớm xem xét và ban hành Chương trình phát triển điện nông thôn, miền núi hải đảo giai đoạn 2021-2025, kèm theo đó là thu xếp và huy động đủ nguồn lực để triển khai đưa điện lưới quốc gia đến tất cả các thôn, bản biên giới.

+ Bố trí vốn đầu tư thiết lập các cụm thông tin cơ sở, các trạm thu phát sóng viễn thông, internet cho các xã biên giới đặc biệt tại các cửa khẩu, lối mở biên giới nhằm xóa các vùng trũng về phủ sóng di động, internet phục vụ nhu cầu giao thương qua biên giới của người dân, doanh nghiệp.

***d. Tận dụng tốt quan hệ qua biên giới để thu hút đầu tư, tạo thuận lợi cho xuất nhập khẩu***

Tận dụng tốt các cơ chế hợp tác đa phương bao gồm: Hợp tác về Tam giác phát triển ba nước Campuchia - Lào - Việt Nam (CLV), Hợp tác phát triển bốn nước Campuchia -Lào - Myanmar - Việt Nam (CLMV), Hợp tác Tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng (GMS), Hợp tác Mê Kông – Nhật Bản, Hợp tác Mê Kông – Hàn Quốc, Hợp tác Hạ nguồn Mê Kông – Mỹ, Hợp tác Mê Kông – Sông Hằng, Hợp tác ASEAN cũng như quan hệ đối tác với các nước láng giềng nhằm:

* Duy trì mô hình thông quan phòng dịch, đảm bảo lưu thông hàng hóa xuất nhập khẩu thông suốt, không gián đoạn.
* Thu hút đầu tư vào các khu kinh tế cửa khẩu, khu hợp tác kinh tế qua biên giới; đầu tư xây dựng, vận hành, kinh doanh chợ, kho hàng, trung tâm logistics tại khu vực biên giới.
* Kêu gọi thu hút vốn đầu tư ODA từ các đối tác, các quỹ trong và ngoài khu vực cho các dự án xây dựng, phát triển cơ sở hạ tầng tại khu vực biên giới hoặc các dự án kết nối các tỉnh biên giới giữa Việt Nam – Lào, Việt Nam – Campuchia.

+ Kết nối Việt Nam – Lào: dự án xây dựng tuyến đường cao tốc Hà Nội – Viêng-chăn (đi qua cửa khẩu Thanh Thủy, Nghệ An); nâng cấp quốc lộ 8 nối Bô-ly-khăm-xay qua cửa khẩu Cầu Treo-Nậm Phao đi cảng Cửa Lò (Nghệ An) và cảng Vũng Áng (Hà Tĩnh).

+ Kết nối với Campuchia: xây dựng các tuyến đường cao tốc Phnom Penh – Bavet nhằm kết nối với tuyến Mộc Bài - thành phố Hồ Chí Minh.

***đ. Kịp thời nâng cấp và mở mới các cặp cửa khẩu để đáp ứng nhu cầu giao thương của nhân dân, doanh nghiệp các nước chung biên giới***

Việc kịp thời nâng cấp, mở mới các cặp cửa khẩu, lối mở biên giới là rất cần thiết nhằm: (i) Đẩy mạnh quan hệ hợp tác quốc tế, hiện thực hóa cam kết giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ các nước Trung Quốc, Lào, Campuchia; (ii) Đáp ứng nhu cầu giao thương của nhân dân, doanh nghiệp hai bên biên giới; và (iii) Giảm tải thủ tục của cả các lực lượng hải quan và các cơ quan hữu quan khác nhằm giảm tình trạng tắc nghẽn tại một số cửa khẩu quốc tế hiện nay.

Do vậy, trước mắt, Bộ Ngoại giao và các Bộ cần phối hợp với các tỉnh rà soát, hoàn thiện thủ tục mở mới, nâng cấp các cặp cửa khẩu đã có chủ trương của Chính phủ, đã có đề xuất của các tỉnh trên cơ sở thống nhất với tỉnh biên giới láng giềng. Bên cạnh đó, các tỉnh biên giới cần theo dõi sát sao tình hình thông quan hàng hóa, tại các khu vực cửa khẩu trên địa bàn, dự báo về lưu lượng thông quan hàng hóa trong các năm tới để kịp thời kiến nghị, đề xuất việc nâng cấp hoặc mở mới cửa khẩu khi cần thiết.

***e. Nâng cao năng lực thị trường xuất khẩu (sản xuất theo tiêu chuẩn, truy xuất nguồn gốc, hướng vào xuất khẩu chính ngạch) và xúc tiến thương mại***

- Tăng cường công tác phối hợp, cung cấp thông tin giữa Bộ Công Thương và các Sở Công Thương các tỉnh biên giới về nhu cầu, dung lượng, thị hiếu, tiêu chuẩn của thị trường nhập khẩu, thay đổi trong chính sách quản lý nhập khẩu, v.v. để kịp thời khuyến cáo các doanh nghiệp khu vực biên giới thích ứng và thay đổi phương thức xuất khẩu từ tiểu ngạch sang chính ngạch.

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với chính quyền các tỉnh biên giới khuyến khích nông dân, doanh nghiệp tại khu vực biên giới thực hiện sản xuất theo tiêu chuẩn, quy hoạch các vùng trồng, áp dụng truy xuất nguồn gốc, ứng dụng tiến bộ khoa học-kỹ thuật để nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, đảm bảo sản lượng hàng hóa ổn định.

- Bộ Công Thương phối hợp với các tỉnh biên giới trong hoạt động xúc tiến thương mại nhằm kết nối tiêu thụ sản phẩm của khu vực biên giới; hướng dẫn, tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn hỗ trợ doanh nghiệp khu vực biên giới tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động xúc tiến thương mại.

- Các địa phương quan tâm, đẩy mạnh xây dựng chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể cho các sản phẩm nông sản chủ lực của khu vực biên giới; quan tâm quảng bá, truyền thông thương hiệu cho các sản phẩm chủ lực của khu vực biên giới có hiệu quả, trọng tâm và định hướng theo thị trường.

#### g. Thu hút các doanh nghiệp công nghiệp lớn (trong và ngoài nước) đầu tư vào khu vực biên giới để tạo động lực phát triển kinh tế khu vực biên giới

- Các tỉnh biên giới kiểm soát tốt dịch Covid-19, đổi mới các hoạt động xúc tiến đầu tư vào khu vực biên giới; tiếp tục cải cách thủ tục hành chính, khung pháp lý, tạo môi trường kinh doanh, đầu tư thuận lợi, xây dựng cơ sở hạ tầng, nâng cao trình độ lao động, nhân công tại chỗ nhằm thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

- Bộ Công Thương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với các tỉnh biên giới khuyến khích, thu hút các doanh nghiệp lớn trong và ngoài nước có tiềm lực công nghệ, tài chính, thương hiệu đầu tư sản xuất tại các khu vực biên giới trong các lĩnh vực như điện tử, dệt may, công nghiệp phụ trợ, nông nghiệp công nghệ cao, v.v…để tạo sản phẩm chủ lực của địa phương, tạo công ăn việc làm, tạo động lực phát triển kinh tế của cả khu vực biên giới.

#### h. Kiểm soát chặt chẽ thị trường, đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại tạo môi trường lành mạnh cho thương mại biên giới phát triển

* Chính quyền các tỉnh biên giới quan tâm, tập trung triển khai các dự án phát triển kinh tế - xã hội tại khu vực biên giới, tạo việc làm, nâng cao đời sống cho cư dân biên giới, góp phần ngăn chặn cư dân biên giới bị lôi kéo vận chuyển hàng lậu qua biên giới; đẩy mạnh tuyên truyền cho nhân dân không tiếp tay cho hoạt động buôn lậu qua biên giới.
* Tăng cường hoạt động hợp tác quốc tế giữa các tỉnh biên giới, giữa cơ quan quản lý thị trường, hải quan, v.v. với đối tác ở các nước Lào, Campuchia, Trung Quốc trong việc trao đổi thông tin, phối hợp xử lý các hành vi buôn lậu, gian lận thương mại qua biên giới.
* Lực lượng quản lý thị trường phối hợp với lực lượng chức năng các tỉnh biên giới tăng cường kiểm tra, xử lý các vi phạm trong kinh doanh, vận chuyển hàng xuất lậu, nhập lậu, hàng giả, hàng cấm; chú trọng địa bàn các huyện biên giới, các mặt hàng nhập lậu nổi cộm thời gian qua như đường cát, thuốc lá, hàng điện tử đã qua sử dụng, rượu, nước giải khát, hàng tiêu dùng, thực phẩm, gia cầm giống, vật tư nông nghiệp, nguyên liệu thuốc bắc, v.v.../.